

Số: 07/2026/TB-VFCVND-TGD

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2026

Hanoi, 07 January 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

- Kính gửi/ To :
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange
 - Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ Viet Nam Securities Depository And Clearing Corporation
 - Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants and Investors
- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành/ Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch
- Tên Quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF VFCVN DIAMOND/ VFCVN DIAMOND ETF
- Mã chứng khoán/ Securities code: FUETPVND
- Địa chỉ/ Address : Tầng 11, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, P. Văn Miếu-Quốc Tử Giám, Hà Nội/ 11F, Doji Tower, No. 5 Le Duan, Van Mieu-Quoc Tu Giam Ward, Ha Noi
- Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the components of the basket to exchange for one lot of ETF as follow:
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 06/01/2026
- Đơn vị tính/ Unit : 1 lô ETF tương đương 100,000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT/Order	Mã chứng khoán/Securities Code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/Amount	Tỷ lệ % trong danh mục/ Weight (%)
I. Chứng khoán/Stock		1,151,835,000	99.65%
1	ACB	3,200	6.64%
2	BMP	100	1.51%
3	CTD	200	1.29%
4	CTG	700	2.15%
5	FPT	2,000	16.44%
6	GMD	1,100	5.77%
7	HDB	1,900	4.76%
8	KDH	1,400	3.86%
9	MBB	2,900	6.36%
10	MSB	1,600	1.70%
11	MWG	2,100	15.88%
12	NLG	1,100	2.95%
13	OCB	500	0.51%
14	PNJ	1,100	9.37%
15	REE	700	3.68%
16	TCB	2,900	8.77%
17	TPB	1,200	1.72%
18	VPB	2,600	6.28%
II. Tiền/Cash		4,102,679	0.35%
III. Tổng/Total (=I+II)		1,155,937,679	100%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,151,835,000 VND
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,155,937,679 VND
- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: 4,102,679 VND

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With subscription order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ With redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

+ Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền (nếu có) / In case stock can be replaced by cash:

Mã chứng khoán/Securities Code	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/ Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied investors	Lý do/ State the Reason
FPT	104,500	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu của người liên quan /Restrictions on investment in related person shares
TPB	18,260	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong/ Vietnam Fortune Fund Management Joint Stock Company, Tien Phong Securities Joint Stock Company	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ, Nhà Đầu Tư hạn chế đầu tư /Restrictions on investment in parent company shares, Investor is restricted from investing.

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ State if component securities shall have corporate action (if any):

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other information (if any):

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period 06/01/2026(*)	Kỳ trước/ Last period 05/01/2026(**)	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued			
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed			
3. Tổng số lượng CCQ đã đăng ký niêm yết/ Issued Shares	5,600,000	5,600,000	
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,800	11,800	
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	64,732,510,072	65,054,796,301	-322,286,229
của một lô ETF/per Creation Unit	1,155,937,679	1,161,692,791	-5,755,112
của một chứng chỉ quỹ/per Share	11,559.37	11,616.92	-57.55
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,622.41	2,598.26	24.15

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 05/01/2026/Item 5 is net asset value calculated as at January 05, 2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/01/2026/Item 5 is net asset value calculated as at January 04, 2026

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised representative of Fund Management Company

